

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CHỦ NHIỆM LỚP Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THÀNH PHỐ TUY HOÀ, TỈNH PHÚ YÊN

NGUYỄN THANH HÙNG^{1,*}, BÙI ANH TUẤN²

¹Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

²Trường THCS Trần Quốc Toàn, Thành phố Tuy Hoà

¹Học viên Cao học, Trường Đại học sư phạm, Đại học Huế

*Email: nguyenthanhhung@dhsphue.edu.vn

Tóm tắt: Bài viết công bố kết quả nghiên cứu về thực trạng công tác chủ nhiệm lớp ở các trường trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên về các nội dung: tầm quan trọng của công tác chủ nhiệm lớp; các yêu cầu đối với giáo viên chủ nhiệm cũng như thực trạng thực hiện nhiệm vụ và nội dung trong công tác chủ nhiệm lớp của giáo viên ở các trường trung học cơ sở thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để các nhà trường có cái nhìn rõ hơn về tình hình công tác chủ nhiệm lớp từ đó giúp nhà trường đưa ra các biện pháp nâng cao chất lượng trong công tác chủ nhiệm lớp ở các trường trung học cơ sở thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Công tác, chủ nhiệm lớp, trường trung học cơ sở.

1. MỞ ĐẦU

Trải qua bao thập kỷ, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định sự nghiệp giáo dục là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, chăm lo cho giáo dục là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của từng người dân. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI (NQ 29-NQ/TW) đã nêu rõ “Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội” [1]. Trong đó, đội ngũ giáo viên (GV) có vai trò đặc biệt quan trọng trong nền giáo dục, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Nhiệm vụ của giáo dục là rất quan trọng và vẻ vang, vì nếu không có thầy giáo thì không có giáo dục. Không có giáo dục, không có cán bộ thì cũng không nói gì đến kinh tế - văn hóa” [5]. Như vậy có thể thấy, không thể phủ nhận đội ngũ GV là những người quyết định trực tiếp đến chất lượng giáo dục và đào tạo. Thực tế cho thấy, công tác chủ nhiệm lớp (CNL) có ảnh hưởng lớn đến sự hình thành nhân cách cho học sinh (HS), nhà giáo dục vĩ đại người Nga A.X. Makarenko đã từng có tư tưởng, phương pháp giáo dục mà đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Một trong những phương pháp giáo dục nổi tiếng của ông đó là “Giáo dục trong tập thể”. Theo ông, nhiệm vụ trọng đại của thầy giáo là xây dựng một tập thể vững mạnh và tự giác. Cái tập thể đó phải cùng với thầy giáo và dưới sự chỉ đạo của thầy giáo, tiến hành công tác giáo dục mọi người trong tập thể. Nghệ thuật của người thầy là kết hợp sự lãnh đạo của mình với sự tham gia ý kiến của tập thể HS. Muốn thế người thầy giáo phải làm thế nào cho ý chí của mình thống nhất với ý chí của tập thể HS [6]. Bên cạnh đó, giáo viên chủ nhiệm (GVCN) còn là cầu nối giữa tập thể HS với các tổ chức xã hội trong và ngoài nhà trường, họ phản ánh trung thành mọi tâm tư, nguyện vọng, quyền lợi của HS [7].

GVCN nói chung, GVCN ở trường trung học cơ sở (THCS) nói riêng là “cánh tay nối dài của Hiệu trưởng” trong công tác giáo dục HS, là “cầu nối” giữa nhà trường và gia đình HS, góp phần thực hiện tốt mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Trong thời gian qua, công tác CNL ở trường THCS thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên có chuyển biến tích cực, góp phần

vào việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của khối THCS trong thành phố. Tuy nhiên công tác CNL còn chưa phát huy hết khả năng sáng tạo của đội ngũ GVCN. Một bộ phận GV chưa xác định đúng vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác chủ nhiệm; thiếu sâu sát; chưa sáng tạo trong giáo dục HS; chưa nắm bắt tâm tư nguyện vọng HS kịp thời; biện pháp chưa phù hợp đối tượng HS. Bài báo này trình bày thực trạng công tác CNL ở các trường THCS thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

2. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Khách thể nghiên cứu

Để tìm hiểu thực trạng công tác CNL ở các trường THCS thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên tác giả thực hiện lấy ý kiến khảo sát trên 19 cán bộ quản lý (CBQL) và 118 GV ở các trường THCS trên địa bàn thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu cũng đã sử dụng phương pháp chính là điều tra bằng bảng hỏi nhằm tìm hiểu thực trạng công tác CNL ở các trường THCS thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên. Phiếu điều tra được thiết kế theo thang Likert 5 bậc, tương ứng với 5 mức độ, từ 1 đến 5. Cụ thể: 1.00 – 1.80: Hoàn toàn không thường xuyên / Không quan trọng; 1.80 – 2.60: Ít thường xuyên / Ít quan trọng; 2.60– 3.40: Thỉnh thoảng/ Phân vân; 3.40 – 4.20: Thường xuyên/ Quan trọng; 4.20 – 5.00: Rất thường xuyên/ Rất quan trọng. Dữ liệu thu thập được sử dụng để tính điểm trung bình, độ lệch chuẩn và tỉ lệ % của mỗi nội dung thông qua phần mềm SPSS 20.00.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng về tầm quan trọng của công tác chủ nhiệm lớp ở các trường trung học cơ sở thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên

Bảng 1. Nhận thức của CBQL, GV về tầm quan trọng của công tác CNL

STT	Mức độ	N	Phần trăm (%)
1	Không quan trọng	1	0,7
2	Ít quan trọng	9	6,6
3	Phân vân	36	26,3
4	Quan trọng	43	31,4
5	Rất quan trọng	48	35,0

Tác giả Phạm Viết Vượng đã đề cập đến trong tác phẩm Giáo dục học: “GVCN lớp là linh hồn của lớp, bằng các biện pháp tổ chức, giáo dục, bằng sự gương mẫu và quan hệ tình cảm, GVCN lớp xây dựng khối đoàn kết trong tập thể, dìu dắt các em nhỏ cũng như con em mình trưởng thành theo từng năm, tháng” [8]. Bên cạnh đó, công tác CNL là công việc thường xuyên của GV ở trong mỗi nhà trường. Công tác CNL là hoạt động có mục đích, có tổ chức, có kế hoạch, có nội dung và phương pháp, đặc biệt có vai trò quan trọng trong quá trình giáo dục. Để tìm hiểu nhận thức của CBQL và GV về tầm quan trọng của công tác CNL, chúng tôi đã tiến hành khảo sát, lấy ý kiến của 137 CBQL, GV các trường THCS thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên. Kết quả được thể hiện ở bảng 1.

Kết quả cho thấy phần lớn các CBQL, GV tham gia khảo sát đều có nhận thức hoàn toàn đúng đắn về tầm quan trọng của công tác CNL trong các nhà trường, các ý kiến đa phần khẳng định ở mức độ “Quan trọng” và “Rất quan trọng”. Cụ thể, có 31,4% và 35,0% CBQL, GV cho rằng

công tác CNL “*Quan trọng*” và “*Rất quan trọng*”. Nhận thức tốt của cả GV và CBQL cho thấy đây là tiền đề cho sự sẵn sàng đón nhận những biện pháp quản lý nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác CNL. Và là điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành quản lý công tác CNL của các CBQL ở các trường THCS thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên. Trong Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT Điều lệ trường THCS và THPT đã có những quy định cụ thể về nhiệm vụ và quyền hạn của GV chủ nhiệm như vậy có thể thấy, GV CNL có vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý, giáo dục HS ở các trường THCS.

Tuy nhiên kết quả nghiên cứu ở bảng 1 cũng cho thấy: Vẫn còn một bộ phận CBQL, GV chưa có nhận thức đúng đắn về vấn đề này khi cho rằng công tác CNL “*Ít quan trọng*” và “*không quan trọng*” trong các nhà trường chiếm lần lượt 6,6% và 0,7%. Bên cạnh đó vẫn còn 26,3% ý kiến của CBQL, GV phân vân về tầm quan trọng của công tác CNL. GV CNL là người ảnh hưởng lớn trong việc hình thành nhân cách của HS. Vì thế, GVCN có vị trí, vai trò rất quan trọng trong công tác giáo dục HS và nâng cao chất lượng giáo dục. Do đó, thực trạng này yêu cầu đội ngũ CBQL, GV cần có sự thay đổi cũng như có nhận thức đầy đủ và đúng đắn về tầm quan trọng của công tác CNL trong việc quản lý, giáo dục HS tại các nhà trường THCS hiện nay.

3.2. Thực trạng các yêu cầu đối với giáo viên chủ nhiệm lớp ở các trường trung học cơ sở thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên

Bảng 2. Đánh giá của CBQL, GV về các yêu cầu đối với GV CNL

STT	Yêu cầu đối với GVCN	Mức độ (%)					ĐTB
		1	2	3	4	5	
1	Có năng lực chuyên môn tốt, đang giảng dạy một môn học trong lớp, có điều kiện gần gũi theo dõi, giúp đỡ học sinh học tập, rèn luyện một cách thường xuyên.	0,0	1,5	10,9	67,9	19,7	4,06
2	Nắm vững lí luận sư phạm, sử dụng các phương pháp giáo dục tập thể và giáo dục cá biệt, có kinh nghiệm tổ chức các hoạt động phù hợp với tâm lí lứa tuổi học sinh và với điều kiện thực tế của lớp, của nhà trường một cách linh hoạt.	10,9	14,6	11,7	35,8	27,0	3,53
3	Có tư cách đạo đức tốt, gương mẫu trong cuộc sống, lao động và trong quan hệ với đồng nghiệp và học sinh. Giáo viên chủ nhiệm phải là tấm gương sáng về mọi phương diện cho học sinh noi theo.	0,7	0,7	17,5	31,4	49,6	4,28
4	Có khả năng tổ chức và có năng lực hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao... để có thể lôi cuốn học sinh cùng tham gia.	0,7	0,7	19,7	56,9	21,9	3,99
5	Có phương pháp hoạt động xã hội, biết động viên lôi cuốn các lực lượng giáo dục, biết tổ chức hoạt động tập thể để dẫn dắt học sinh học tập, tu dưỡng tốt vì cuộc sống tương lai.	0,0	0,0	16,8	65,7	17,5	4,01

Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT về Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông có đưa ra các yêu cầu về tiêu chuẩn nhà giáo cũng như các phẩm chất và năng lực mà

GV cần có trong đó có các yêu cầu về đạo đức nhà giáo, nắm vững chuyên môn và thành thạo nghiệp vụ, ... là những yêu cầu được đưa lên hàng đầu cho tất cả các GV [3]. Thông qua các quy định về chuẩn nghề nghiệp GV, tác giả tiến hành khảo sát lấy ý kiến của CBQL, GV về các yêu cầu đối với GVCN ở các trường THCS thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên. Kết quả cho thấy ở bảng 2.

Kết quả cho thấy, đa phần các yêu cầu đối với GVCN đều được CBQL, GV đánh giá là quan trọng và rất quan trọng với ĐTB từ 3,53 – 4,28 (từ 62,8% - 87,6% đánh giá là quan trọng và rất quan trọng). Cụ thể ở nội dung *“Có tư cách đạo đức tốt, gương mẫu trong cuộc sống, lao động và trong quan hệ với đồng nghiệp và học sinh. Giáo viên chủ nhiệm phải là tấm gương sáng về mọi phương diện cho học sinh noi theo”* được đánh giá với ĐTB= 4,28 và có 31,4% CBQL, GV cho rằng quan trọng và 49,6% ý kiến cho rằng rất quan trọng. Đạo đức nghề nghiệp là một trong những yêu cầu quan trọng của người GV từ đó là tấm gương để HS noi theo. GV có tư cách đạo đức tốt, gương mẫu trong cuộc sống, lao động và trong quan hệ với đồng nghiệp, HS là một trong những yêu cầu rất cần thiết cũng như là tấm gương tốt cho HS noi theo. Bên cạnh việc truyền đạt kiến thức cho HS, cùng với gia đình, GVCN còn có một trọng trách cao cả là *“Dạy các em làm người”*. Chính vì vậy, công tác chủ nhiệm là một công tác đòi hỏi người GV phải thực sự có tư cách đạo đức tốt, gương mẫu và yêu người cùng với việc áp dụng các biện pháp thích hợp để có thể giáo dục thế hệ trẻ tương lai của đất nước trở thành những con người có tri thức, văn hóa, nhân cách và đạo đức tốt.

Ở các nội dung tiếp theo là *“Có năng lực chuyên môn tốt, đang giảng dạy một môn học trong lớp, có điều kiện gần gũi theo dõi, giúp đỡ học sinh học tập, rèn luyện một cách thường xuyên; Có phương pháp hoạt động xã hội, biết động viên lôi cuốn các lực lượng giáo dục, biết tổ chức hoạt động tập thể để dẫn dắt học sinh học tập, tu dưỡng tốt vì cuộc sống tương lai; Có khả năng tổ chức và có năng lực hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao... để có thể lôi cuốn học sinh cùng tham gia”* được đánh giá với ĐTB lần lượt là 4,06; 4,01 và 3,99.

Tuy nhiên bên cạnh đó ở nội dung còn lại là *“Nắm vững lí luận sư phạm, sử dụng các phương pháp giáo dục tập thể và giáo dục cá biệt, có kinh nghiệm tổ chức các hoạt động phù hợp với tâm lí lứa tuổi học sinh và với điều kiện thực tế của lớp, của nhà trường một cách linh hoạt”* lại nhận được ĐTB đánh giá thấp hơn so với các nội dung khác về tính quan trọng với ĐTB bằng 3,53. Do đó, CBQL, GV nhà trường cần nâng cao nhận thức của bản thân mình về các lí luận sư phạm cần thiết cũng như việc sử dụng các phương pháp giáo dục tập thể và giáo dục cá biệt, có kinh nghiệm tổ chức các hoạt động phù hợp với tâm lí lứa tuổi HS và với điều kiện thực tế của lớp, của nhà trường một cách linh hoạt nhằm nâng cao chất lượng giáo dục ở nhà trường.

3.3. Thực trạng thực hiện nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm ở các trường trung học cơ sở thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên

Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD-ĐT về Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học thì ngoài việc thực hiện các nhiệm vụ quy định đối với GV nói chung thì GV CNL còn phải thực hiện những nhiệm vụ như: Xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục thể hiện rõ mục tiêu, nội dung. Phương pháp giáo dục bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm HS, với hoàn cảnh và điều kiện thực tế nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của cả lớp và của từng HS. Thực hiện các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã xây dựng. Nhận xét, đánh giá và xếp loại HS cuối kỳ và cuối năm học; đề nghị khen thưởng và kỷ luật HS; đề nghị danh sách HS được lên lớp thẳng, phải kiểm tra lại, phải rèn luyện thêm về hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè, phải ở lại lớp; hoàn chỉnh việc ghi sổ điểm và học bạ HS. Báo cáo thường kỳ

hoặc đột xuất về tình hình của lớp với Hiệu trưởng [4].

Tác giả tiến hành khảo sát ý kiến đánh giá của CBQL, GV về việc thực hiện nhiệm vụ của GV CNL ở các trường THCS thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên kết quả thu được ở bảng 3.

Bảng 3. Đánh giá của CBQL, GV về việc thực hiện nhiệm vụ của GV CNL

STT	Nhiệm vụ	Mức độ (%)					ĐTB
		1	2	3	4	5	
1	Xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm học sinh, với hoàn cảnh, điều kiện thực tế nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của lớp và từng học sinh;	0,7	0,0	13,1	69,3	16,8	4,01
2	Thực hiện các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã xây dựng;	5,8	17,5	12,4	35,0	29,2	3,64
3	Phối hợp chặt chẽ với gia đình học sinh, với các giáo viên bộ môn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, các tổ chức xã hội có liên quan trong việc hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện, hướng nghiệp của học sinh lớp mình và góp phần huy động các nguồn lực trong cộng đồng phát triển nhà trường;	0,7	1,5	24,1	52,6	21,2	3,92
4	Nhận xét, đánh giá và xếp loại học sinh cuối kỳ và cuối năm học;	0,0	3,6	14,6	41,6	40,1	4,18
5	Báo cáo thường kỳ hoặc đột xuất về tình hình của lớp với Hiệu trưởng.	0,0	0,0	22,6	66,4	10,9	3,88
6	Chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giáo dục	0,7	0,7	17,5	68,6	12,4	3,91
7	Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định, điều lệ của nhà trường trong công tác chủ nhiệm lớp và giáo dục học sinh	2,9	2,2	27,7	42,3	24,8	3,84
8	Thương yêu, tôn trọng học sinh, đối xử công bằng với học sinh, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh;	4,4	2,9	32,8	44,5	15,3	3,64
9	Tạo dựng môi trường học tập và làm việc dân chủ, thân thiện, hợp tác, an toàn và lành mạnh;	0,0	1,5	25,5	51,8	21,2	3,93

Kết quả cho thấy, đa phần các yêu cầu đối với GVCN đều được CBQL, GV đánh giá là thường xuyên và rất thường xuyên với ĐTB từ 3,63 – 4,18 (từ 64,2% - 91% đánh giá là thường xuyên và rất thường xuyên). Ở các nội dung như: “*Nhận xét, đánh giá và xếp loại học sinh cuối kỳ và cuối năm học; Xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm học sinh, với hoàn cảnh, điều kiện thực tế nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của lớp và từng học sinh*” là hai nội dung được đánh

giá có mức ĐTB cao nhất và thường xuyên thực hiện nhất với ĐTB= 4,18 và 4,01 (hơn 80% ý kiến đánh giá là thường xuyên và rất thường xuyên thực hiện). Các nội dung trên đều là những nhiệm vụ mà người GVCN cần thực hiện và cũng là nhiệm vụ mà Bộ giáo dục và đào tạo đưa ra cho GVCN thông qua Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT về Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Bên cạnh việc thực hiện thường xuyên các nhiệm vụ mà GV CNL cần làm thì vẫn còn một số nội dung khác nhận được sự đánh giá khá thấp từ phía CBQL và GV như “Thực hiện các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã xây dựng; Thương yêu, tôn trọng học sinh, đối xử công bằng với học sinh, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh” với ĐTB đều bằng 3,64. Đối với nhiệm vụ “Thực hiện các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã xây dựng; Thương yêu, tôn trọng học sinh” có 32,8% ý kiến cho rằng các nhiệm vụ này thỉnh thoảng mới được thực hiện, 4,4% cho rằng Hoàn toàn không thường xuyên thực hiện và 2,9% cho rằng ít thường xuyên thực hiện. Tương tự ở nội dung “Thương yêu, tôn trọng học sinh, đối xử công bằng với học sinh, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh” đáng lẽ ra nhiệm vụ này phải được thực hiện một cách hoàn toàn thường xuyên tuy nhiên lại có 5,8% ý kiến cho rằng Hoàn toàn không thường xuyên được thực hiện và 17,5% cho rằng ít thường xuyên được thực hiện.

Qua quá trình lấy ý kiến của một số GV cho thấy, trong một số trường hợp, tùy vào tình hình thực tế của nhà trường, lớp học cũng như HS mà GV cần biến đổi một cách linh hoạt các hoạt động giáo dục và không thực hiện theo các kế hoạch đã xây dựng. Bên cạnh đó thực trạng hiện nay cho thấy, GVCN ngoài công tác giảng dạy thì còn đảm nhiệm một khối công việc lớn, áp lực công việc dẫn đến việc một số trường hợp GV vẫn chưa ứng xử một cách hợp lý với HS cùng với đó một số bộ phận HS chưa nghe lời và cần các biện pháp giáo dục mạnh tay để thay đổi hành vi của các em. Do đó, nhà trường cần có các chính sách quan tâm, tạo điều kiện và phối hợp với các GVCN để các GVCN có thể thực hiện tốt nhiệm vụ dạy học và CNL của mình.

3.4. Thực trạng thực hiện nội dung công tác chủ nhiệm lớp ở các trường trung học cơ sở thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Trong Tài liệu tập huấn về công tác GVCN trong trường THCS, trung học phổ thông năm 2011 đã chú trọng vào các kỹ năng mà GV cần phải có là kỹ năng tìm hiểu đặc điểm tâm lí HS trung học, kỹ năng xây dựng kế hoạch công tác CNL,... [2]. Như vậy có thể thấy trong công tác CNL của GV có rất nhiều nội dung cần được chú ý đến. Để tìm hiểu thực trạng thực hiện nội dung công tác CNL ở các trường THCS thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, tác giả tiến hành khảo sát lấy ý kiến CBQL, GV kết quả thu được ở bảng 4.

Thông qua kết quả có thể nhận thấy ĐTB đánh giá mức độ thực hiện các nội dung trong công tác CNL ở các trường THCS thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên là khá cao, các nội dung đều được đánh giá ở mức độ thường xuyên thực hiện với ĐTB từ 3,58 – 3,96. Trong đó các nội dung cụ thể như: “*Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm; Tìm hiểu học sinh lớp chủ nhiệm; Giám sát, thu thập thông tin thường xuyên về lớp chủ nhiệm*” là các nội dung được đánh giá với ĐTB cao nhất lần lượt là 3,96; 3,95 và 3,94. Trong số 12 nội dung của công tác CNL, các CBQL, GV đánh giá cao việc xây dựng kế hoạch chủ nhiệm của các GVCN (có 64,2% và 16,8% CBQL, GV đánh giá nội dung này được thực hiện thường xuyên và rất thường xuyên). Xây dựng kế hoạch CNL là một trong những hoạt động không thể thiếu mà mỗi GV CNL cần làm, xây dựng kế hoạch chủ nhiệm giúp GV triển khai được công tác thực hiện hoạt động CNL cũng như có định hướng chủ nhiệm rõ ràng cho lớp mình. Tương tự việc tìm hiểu HS lớp mình chủ nhiệm và giám sát thu thập thông tin thường xuyên cũng là việc làm không thể thiếu của mỗi GV, việc

tìm hiểu thông tin HS giúp GV dễ dàng biết được tình trạng các em như thế nào cũng như có thông tin đầy đủ để có hướng chủ nhiệm hợp lý.

Ở các nội dung tiếp theo là “*Phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn giáo dục của lớp; Tư vấn cho học sinh, giúp các em xử lý các khó khăn gặp phải trong cuộc sống; Xây dựng và phát triển bộ máy cán bộ lớp tự quản; Đánh giá quá trình học tập và rèn luyện đạo đức của học sinh; Thực hiện các khoản thu theo thời gian quy định; Giáo dục học sinh cá biệt*” cũng đều được CBQL, GV đánh giá là triển khai tốt và đều được thực hiện ở mức độ thường xuyên. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số nội dung chưa được GVCN triển khai và thực một cách thường xuyên đó là “*Cố vấn cho Ban chấp hành Chi đoàn; Cập nhật hồ sơ công tác chủ nhiệm; Chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung giáo dục toàn diện*” với ĐTB lần lượt là 3,58; 3,66 và 3,68 thấp hơn so với các nội dung còn lại. Trên thực tế, đa số các GVCN chưa thực hiện được tốt nội dung này. Điều đó cũng ảnh hưởng không nhỏ đến công tác đánh giá, thi đua, xếp loại của các GVCN trong quá trình quản lý của người CBQL.

Tìm hiểu về vấn đề này chúng tôi trao đổi trực tiếp với một số GVCN ở các trường THCS trên địa bàn thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên và được biết: Hiện nay, ngoài công việc làm GVCN, các GV còn phải đảm nhận nhiều công việc khác như dạy học, họp tổ chuyên môn, sinh hoạt tổ chuyên môn định kỳ, tham gia công tác tập huấn, bồi dưỡng, viết chuyên đề, sáng kiến kinh nghiệm,... khối lượng công việc mà GV đảm nhiệm là rất lớn nên việc cố vấn cho Ban chấp hành Chi đoàn cũng như thường xuyên cập nhật hồ sơ CNL và chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung giáo dục toàn diện là việc mà GVCN không thể thường xuyên thực hiện được. Thực tế trên đòi hỏi lãnh đạo nhà trường cần quan tâm, tạo điều kiện hơn nữa đối với đội ngũ GVCN của đơn vị mình thông qua các biện pháp quản lý cụ thể nhằm giảm thiểu khối lượng công việc cho các GVCN về vấn đề này.

Bảng 4. Đánh giá của CBQL, GV về nội dung công tác CNL

STT	Nội dung	Mức độ (%)					ĐTB
		1	2	3	4	5	
1	Tìm hiểu học sinh lớp chủ nhiệm	0,7	2,9	22,6	48,2	25,5	3,95
2	Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm	0,7	0,0	18,2	64,2	16,8	3,96
3	Xây dựng và phát triển bộ máy cán bộ lớp tự quản	0,7	0,7	30,7	51,1	16,8	3,82
4	Chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung giáo dục toàn diện	2,9	10,9	18,2	51,1	16,8	3,68
5	Giám sát, thu thập thông tin thường xuyên về lớp chủ nhiệm	0,7	0,7	24,8	51,1	22,6	3,94
6	Đánh giá quá trình học tập và rèn luyện đạo đức của học sinh	3,6	0,7	24,8	51,8	19,0	3,82
7	Phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn giáo dục của lớp	0,7	4,4	32,8	46,0	16,1	3,72
8	Cập nhật hồ sơ công tác chủ nhiệm	3,6	1,5	32,1	50,4	12,4	3,66
9	Cố vấn cho Ban chấp hành Chi đoàn	0,7	2,2	42,3	47,4	7,3	3,58
10	Thực hiện các khoản thu theo thời gian quy định	0,7	2,9	29,9	46,0	20,4	3,82
11	Giáo dục học sinh cá biệt	0,7	0,0	32,8	43,1	23,4	3,88
12	Tư vấn cho học sinh, giúp các em xử lý các khó khăn gặp phải trong cuộc sống	0,7	1,5	39,4	35,8	22,6	3,78

4. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu thực trạng công tác CNL ở các trường THCS thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên, chúng tôi nhận thấy: Phần lớn các CBQL, GV tham gia khảo sát đều có nhận thức hoàn toàn đúng đắn về tầm quan trọng của công tác CNL trong các nhà trường cũng như các yêu cầu đối với GV CNL. GVCN cũng đã làm tốt các nhiệm vụ của mình như: Nhận xét, đánh giá và xếp loại HS cuối kỳ và cuối năm học; Xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm HS, với hoàn cảnh, điều kiện thực tế nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của lớp và từng HS; Tạo dựng môi trường học tập và làm việc dân chủ, thân thiện, hợp tác, an toàn và lành mạnh;... Bên cạnh đó việc thực hiện các nội dung Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm, Tìm hiểu HS lớp chủ nhiệm hay Giám sát, thu thập thông tin thường xuyên về lớp chủ nhiệm cũng được các GV thực hiện thường xuyên và rất thường xuyên ở các nhà trường THCS. Tuy nhiên bên cạnh các kết quả đạt được thì công tác CNL ở các nhà trường THCS vẫn còn có một số hạn chế so với yêu cầu đòi hỏi giáo dục hiện nay, do đó Ban giám hiệu nhà trường cần phải chú trọng, linh hoạt và tạo điều kiện hỗ trợ cho GVCN để mang lại hiệu quả cao hơn nữa trong công tác CNL.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*. Hà Nội.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011). *Tài liệu tập huấn về công tác giáo viên chủ nhiệm trong trường trung học cơ sở, trung học phổ thông*. Hà Nội.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT về Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông*. Hà Nội.
- [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020). *Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT về Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học*, Hà Nội.
- [5] Hồ Chí Minh (2011). *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, tập 10, NXB Chính trị Quốc gia tr.345.
- [6] Thư viện dạy học (2012). A. X. Makarenko (1888 - 1939). Truy cập tại trang: <https://elib4u.wordpress.com/2012/06/08/a-x-makarenko-1888-1939/>.
- [7] Hà Nhật Thăng, Nguyễn Dục Quang, Lê Thanh Sĩ, Nguyễn Thị Kỳ (2004). *Phương pháp công tác của người giáo viên chủ nhiệm ở trường trung học phổ thông*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [8] Phạm Viết Vượng. (2008). *Giáo dục học*. NXB Hà Nội.

Title: HOMEROOM MANAGEMENT AT JUNIOR HIGH SCHOOLS IN TUY HOA CITY, PHU YEN PROVINCE

Abstract: The article publishes study results on the current situation of homeroom management at junior high schools in Tuy Hoa city, Phu Yen province on the following topics: the importance of homeroom management; requirements for homeroom teachers as well as the current status of tasks performance and contents in homeroom management of teachers at junior high schools in Tuy Hoa city, Phu Yen province. The research results are the basis for schools to have a better view of the status of classroom management, thereby helping schools to come up with measures to improve the quality of homeroom management at junior high schools of Tuy Hoa city, Phu Yen province.

Keywords: Management, homeroom, junior high school.